

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1005/2024/HC-PT

Ngày: 13 - 9 - 2024

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 18/2024/TLPT-HC ngày 11 tháng 01 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 103/2022/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2359/2024/QĐPT-HC ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Bà Phạm Thanh H, sinh năm 1974 (có mặt);

2. Ông Phùng Ngọc K, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 2 L, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Phương T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: E P, Phường B, thành phố V (có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố V.

Địa chỉ: H L, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Vũ T1 - Chủ tịch UBND

thành phố V (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Dương B - Viên chức, Trung Tâm P trên quỹ đất thành phố V (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chủ tịch UBND thành phố V.

Địa chỉ: H L, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Vũ T1 – Chủ tịch UBND thành phố V (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Dương B - Viên chức, T Phát triển quỹ đất thành phố V (có mặt).

2. Chủ tịch UBND tỉnh B.

Địa chỉ: A P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T2 – Chủ tịch UBND tỉnh B (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1. Ông Phan Văn M – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh B (xin vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Thành N- Chuyên viên Chi cục quản lý đất đai tỉnh B (có mặt).

- Người kháng cáo: Người khởi kiện là bà Phạm Thanh H, ông Phùng Ngọc K và người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như quá trình tố tụng, người khởi kiện trình bày:

Năm 2000 vợ chồng ông K, bà H từ Đồng Nai xuống Vũng Tàu sinh sống, và nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông D bà T3 100m² (thực tế sử dụng 104,9m²) thuộc một phần thửa đất số 21, tờ bản đồ số 21, tại 227/4 đường L, Phường A, thành phố V. Ngay sau khi nhận chuyển nhượng, năm 2000 vợ chồng ông K, bà H xây nhà cấp 4 và ở từ đó cho đến nay (UBND Phường xác nhận vợ chồng bà H xây nhà năm 2000), năm 2002 có đăng ký tạm trú tại địa chỉ này. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng toàn bộ đất của ông D, bà T3 chưa có giấy tờ. Năm 2002, ông D bà T3 đi làm giấy, tuy nhiên UBND cấp giấy cho ông D bà T3 2.9 32m đất nông nghiệp. Trong đó có cả 100m² đã bán cho bà H. Do không đủ diện tích tách thửa nên sau khi ông D, bà T3 được cấp Giấy chứng nhận, bà H không sang tên được nên vẫn đứng tên ông D, bà T3. Năm 2017 UBND Phường 10 thu hồi toàn bộ đất của gia đình bà làm khu 10ha trong 58ha tái định cư Phường A, thành phố V.

Ngày 11/12/2007, UBND thành phố V ban hành Quyết định 6505/QĐ-UBND Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ bà H. Theo đó toàn bộ 104,9m đất của gia đình bà H chỉ được bồi thường theo giá đất nông nghiệp vị trí 3, đường loại 4 với đơn giá 1.4.920.000đ/m². Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ là: 404.057.140đ. Sau đó ngày 30/11/2018 UBND thành phố V ban hành Quyết định số 8232/QĐ-UBND Phê duyệt kinh phí bồi thường bổ sung. Theo đó toàn bộ 104,9m diện tích đất được nâng từ vị trí 3 đường loại 4 lên vị trí 2 đường loại 3 với đơn giá là 2.418.000đ/m, với số tiền bồi thường bổ sung là 244.702.400đ. Không đồng ý với các quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường của UBND thành phố V, ông K, bà H khiếu nại. Ngày 17/9/2019 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 264/QĐ-UBND. Theo đó bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông K, bà H. Không đồng ý ông K bà H tiếp tục khiếu nại. Ngày 06/12/2021 Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2295/QĐ-UBND. Theo đó bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông K, bà H.

Ngày 27/12/2021 ông K, bà H khởi kiện ra Tòa án yêu cầu hủy các Quyết định 6505/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường; Quyết định 264/QĐ-UBND ngày 17/11/2019 của Chủ tịch UBND thành phố V giải quyết khiếu nại lần đầu của ông K, bà H; Quyết định 2295/QĐ-UBND ngày 04/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B. Với lý do:

Thứ nhất: Toàn bộ 104,9m² đất của ông K, bà H đã được cấp Giấy cho ông D, bà T3 năm 2002, nhưng thực tế ông D bà T3 đã chuyển nhượng cho ông K bà H từ năm 2000. Ông K bà H đã làm xây nhà cấp 4 ở ổn định từ năm 2000 cho đến nay không tranh chấp theo quy định gia đình ông K bà H được công nhận đất ở, nay bị thu hồi thì phải được bồi thường theo giá đất ở.

Thứ hai: Ông K bà H bị thu hồi hết đất ở, không có chỗ ở nào khác. Căn cứ Quyết định 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh B ông K, bà H được bồi trí tái định cư. Quyết định 6505/QĐ-UBND của UBND thành phố V không bồi trí tái định cư cho ông K bà H là không đúng.

Thứ ba: Về giá đất UBND thành phố V căn cứ giá đất tại Quyết định 2925/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh B. Giá đất này khảo sát từ năm 2013-2014 nên không còn phù hợp với giá thị trường tại thời điểm thu hồi đất.

Ngày 24/8/2022 ông K, bà H có đơn khởi kiện bổ sung: Sau khi có quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu UBND thành phố V tiếp tục ban hành Quyết định 8232/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 điều chỉnh Quyết định 6505/QĐ-UBND thành đất vị trí 2 đường loại 3, nhưng vẫn không bồi thường theo giá đất ở. Ông K bà H yêu cầu hủy một phần quyết định này.

[2] Theo văn bản ý kiến về nội dung yêu cầu khởi kiện, Người bị kiện là

UBND thành phố V và người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp trình bày:

- Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

Toàn bộ 104,9m² đất của ông K, bà H bị thu hồi thuộc thửa đất đã được UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận QSD đất số T 993713 ngày 07/02/2002 cho hộ ông Kim Văn D1 với diện tích 2.903,0m² đất nông nghiệp. Tuy nhiên, ngày 10/12/2000 ông D1 chuyển nhượng cho ông Phùng Ngọc K bằng giấy viết tay ngày 10/12/2000 với diện tích 100,0m², nhưng trên thực tế hiện nay ông K đang sử dụng diện tích 104,90m². Hiện trạng, trên đất có nhà cấp 4 xây dựng năm 2000. Qua kiểm tra lưu trữ không có biên bản hay quyết định hành chính, hành vi vi phạm hành chính về đất đai xây dựng và biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính. Hiện nay ông K sử dụng ổn định không có ai tranh chấp.

Ngày 11/12/2007, UBND thành phố V ban hành Quyết định 6505/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho gia đình ông K, bà H: 100% vật kiến trúc xây năm 2000; Bồi thường 104,9m² đất nông nghiệp theo giá 2.418.000đ/m² theo vị trí 2, đường loại (Quyết định 8232/QĐ-UBND bổ sung) và giao 01 lô đất ở.

Sau khi giải quyết khiếu nại UBND thành phố bồi thường bổ sung 1.000.000đ di dời đồng hồ điện. UBND thành phố khẳng định đã ban hành Quyết định 6505/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là đúng.

Về giá đất để thực hiện bồi thường tại dự án Khu tái định cư A ha trong 58 ha, tại phường A, thành phố V đã được thực hiện khảo sát theo quy định tại Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 và được UBND Tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 là đúng theo quy định của pháp luật. Toàn bộ 101 hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án đều được áp giá bồi thường đất theo Quyết định số 2925/QĐ-UBND của UBND Tỉnh.

Đối với nội dung giao 01 lô đất tái định cư: Căn cứ hồ sơ pháp lý, thì trường hợp của hộ ông (bà) Phạm Thanh H - Phùng Ngọc K được bồi thường diện tích 104,9m² là đất nông nghiệp; Do đó, Căn cứ khoản 2, Điều 5 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND Tỉnh, hộ ông(bà) Phạm Thanh H - Phùng Ngọc K không đủ điều kiện giao đất tái định cư.

Khiếu kiện của ông K bà H là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông K, bà H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 103/2022/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Ngọc K, bà Phạm Thanh H hủy các quyết định:

- Hủy Quyết định số 6505/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND thành phố V.

- Hủy Quyết định số 8232/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của UBND thành phố V

- Hủy Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 17/11/2019 của Chủ tịch UBND thành phố V.

- Hủy Quyết định số 2295/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

- Buộc UBND thành phố V ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình ông Phùng Ngọc K, bà Phạm Thanh H do Nhà nước thu hồi đất của gia đình ông K bà H để thực hiện dự án Khu tái định cư 10ha trong 58ha tại Phường A, thành phố V.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2022, người khởi kiện bà Phạm Thanh H và ông Phùng Ngọc K kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 27/10/2022, người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là bà Phạm Thanh H và ông Phùng Ngọc K (có bà Vũ Thị Phương T đại diện theo ủy quyền) rút yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm vì diện tích đất bị thu hồi có nguồn gốc thuộc quyền sử dụng của ông D1 bà T3 chuyển nhượng cho ông K bà H vào năm 2000, sau đó ông K bà H đã cất nhà ở đến nay. Năm 2002, ông D1 bà T3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp nhưng trên đất đã có nhà là không đúng quy định, ông K bà H cũng không biết việc cấp giấy chứng nhận này. Việc xây nhà ở thực hiện trước năm 2004, sử dụng ổn định đến nay, không bị xử phạt nên đất đủ điều kiện bồi thường theo loại đất ở và được tái định cư.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố V có văn bản xin xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến vẫn giữ kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND thành phố V là ông Lê Dương B phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện vì việc thu hồi đất và bồi thường cho ông K bà H được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đất của ông K bà H là đất ở là không đúng vì đất này đã được cấp giấy chứng nhận năm 2002 xác định loại đất nông nghiệp, hộ dân không có ý kiến gì, sau đó ông D1, bà T3 bán giấy tay cho bà H

ông K, người khởi kiện cũng không có ý kiến gì về giấy chứng nhận được cấp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND tỉnh B là ông Nguyễn Thành N phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ những quy định pháp luật tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện rút kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người khởi kiện. Đối với kháng cáo của người bị kiện, xét thấy, đất đã được cấp giấy chứng nhận theo loại đất nông nghiệp nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định đất phải được bồi thường theo loại đất ở, từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không đúng quy định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, bác yêu cầu khởi kiện của ông K, bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án triệu tập hợp lệ, người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xin vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt các đương sự này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện rút yêu cầu kháng cáo. Việc rút kháng cáo của người khởi kiện là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người khởi kiện như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

[2] Theo người khởi kiện trình bày: Phần đất có diện tích 100m² (đo đạc thực tế là 104,9m²) thuộc một phần thửa 21, tờ bản đồ số 21, tại Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là do bà Phạm Thanh H, ông Phùng Ngọc K nhận chuyển nhượng bằng giấy tay từ vợ chồng ông Kim Văn D1 từ năm 2000. Do không đủ diện tích tách thửa, nên phần đất trên nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 993713 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp cho hộ ông D1 vào ngày 07/02/2002.

[3] Hiện trạng phần đất có căn nhà cấp 4 do bà H, ông K xây dựng từ năm 2000 để ở; Năm 2002 bà H, ông K đăng ký hộ khẩu tạm trú tại địa chỉ căn nhà này.

[4] Xét, tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 đã quy định: Khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận mà chưa được cấp thì được bồi thường về đất.

Tại Khoản 1, Điều 11 Luật Đất đai năm 2013 đã quy định: Việc xác định loại đất căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã được cấp trước ngày 10 tháng 12 năm 2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Đối với trường hợp không có giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này thì việc xác định loại đất thực hiện theo quy định của Chính phủ.

[5] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 993713 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp cho hộ ông D1 vào ngày 07/02/2002 thì loại đất hộ ông D1 (trong đó có phần đất của bà H, ông K) là đất nông nghiệp. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố V bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi phần diện tích 104,9m² theo giá đất nông nghiệp là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[6] Bà H, ông K cho rằng đã xây nhà ở ổn định trên đất từ năm 2000, nên đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ về đất ở. Xét, năm 2002 khi hộ ông D1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bao gồm cả diện tích đất của bà H, ông K) với loại đất nông nghiệp thì bà H, ông K không có ý kiến. Do bà H, ông K xây dựng nhà từ năm 2000 nên Ủy ban nhân dân thành phố V đã bồi thường 100% vật kiến trúc và giao cho bà H, ông K 01 lô đất ở, bồi thường bổ sung chi phí di dời đồng hộ điện là đúng quy định pháp luật, và đảm bảo quyền lợi cho bà H, ông K.

Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 để xác định phần diện tích đất của bà H, ông K đủ điều kiện được công nhận là đất ở là áp dụng không đúng quy định pháp luật, bởi đây là trường hợp đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất và không vi phạm pháp luật đất đai, nhưng phần đất của bà H, ông K đã được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông D1 vào năm 2002 nên việc xác định loại đất phải căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

[7] Về giá đất bồi thường, hỗ trợ:

Tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013 quy định: “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”.

Ngày 26/10/2016 Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 2925/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà

nước thu hồi đất xây dựng Dự án Khu tái định cư 10ha trong 58ha thuộc Phường A, thành phố V. Căn cứ Quyết định số 2925/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh B, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 6505/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 và 8232/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của người khởi kiện là có căn cứ.

Người khởi kiện yêu cầu bồi thường theo giá đất tại thời điểm chi trả tiền bồi thường là không có căn cứ chấp nhận, vì Ủy ban nhân dân thành phố V đã thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho bà H, ông K là đúng quy định pháp luật. Mặt khác, bà H, ông K không có tài liệu, chứng cứ chứng minh có sự thay đổi về giá đất và pháp luật cũng đã có quy định về việc chậm trả tiền bồi thường để đảm bảo quyền lợi cho người bị thu hồi đất.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá, nhận định đầy đủ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, và chấp nhận yêu cầu khởi kiện là không đúng quy định pháp luật nên chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[9] Án phí:

[9.1] Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Phạm Thanh H, ông Phùng Ngọc K phải chịu; UBND thành phố V không phải chịu.

[9.2] Án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Phạm Thanh H, ông Phùng Ngọc K phải chịu; UBND thành phố V không phải chịu, theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 218, Điều 229, khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người khởi kiện là bà Phạm Thanh H và ông Phùng Ngọc K.

II. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố V.

Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 103/2022/HC-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Áp dụng Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Phạm Thanh H,

ông Phùng Ngọc K về việc:

- Hội Quyết định số 6505/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố V;
- Hội Quyết định số 8232/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố V;
- Hội Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 17/11/2019 của Chủ tịch của Ủy ban nhân dân thành phố V;
- Hội Quyết định số 2295/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B;

2. Án phí:

2.1. Án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Phạm Thanh H, ông Phùng Ngọc K mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000119 ngày 17/01/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà H, ông K phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Ủy ban nhân dân thành phố V không phải chịu.

2.2. Án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Phạm Thanh H, ông Phùng Ngọc K mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông K, bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0000144 ngày 20/12/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ủy ban nhân dân thành phố V không phải chịu. Hoàn trả cho Ủy ban nhân dân thành phố V 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000142 ngày 20/12/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh BR-VT (1);
- VKSND tỉnh BR-VT (1);
- Cục THADS tỉnh BR-VT (1);
- Các đương sự (5);
- Lưu: hồ sơ vụ án (1), VP (5), 16b (PPC);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Nhựt Bình

